

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 4

Đề 1

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1 tấm vải xanh dài 6m. Hỏi 12 tấm vải xanh như thế dài bao nhiêu mét?

- A. 18m B. 62m C. 72m D. 80m

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 15; 20; 25; ... ; ... ; ... ; ... ; 50.

b) 12; 18; 24; ... ; ... ; ... ;

Bài 3: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Biết $x : 4 = 25$. Giá trị của x là:

- A. 70 B. 80 C. 90 D. 100

Bài 4: Đặt tính rồi tính:

$$16 \times 4$$

$$21 \times 3$$

$$43 \times 3$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Tìm x :

a) $x - 15 \times 6 = 40$

b) $32 \times 4 - x = 27$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Mỗi nhóm có 6 học sinh. Hỏi 7 nhóm như thế có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....

.....

Đáp số:.....

Lời giải chi tiết**Bài 1:****Phương pháp giải:**

Tìm độ dài của 12 tấm vải xanh = độ dài một tấm vải \times 12.

Cách giải :

12 tấm vải xanh như thế dài số mét là:

$$6 \times 12 = 72 \text{ (m)}$$

Đáp số: 72m vải.

\Rightarrow **Đáp án cần chọn là C.**

Bài 2:**Phương pháp giải:**

- Tính khoảng cách giữa các số liên tiếp nhau trong dãy số.
- Tính các số tiếp theo.

Cách giải :

a) $20 - 15 = 5$

$$25 - 20 = 5$$

Khoảng cách giữa hai số liên tiếp là 5 đơn vị.

Các số tiếp theo của dãy số là:

$$25 + 5 = 30$$

$$30 + 5 = 35$$

$$35 + 5 = 40$$

$$40 + 5 = 45$$

Ta được dãy số: 15; 20; 25; **30 ; 35; 40 ; 45** ; 50.

b) $18 - 12 = 6$

$$24 - 18 = 6$$

Khoảng cách giữa hai số liên tiếp là 6 đơn vị.

Các số tiếp theo của dãy số là:

$$24 + 6 = 30$$

$$30 + 6 = 36$$

$$36 + 6 = 42$$

$$42 + 6 = 48$$

Ta được dãy số: 12; 18; 24; **30 ; 36 ; 42 ; 48.**

Bài 3:

Phương pháp giải:

x là số bị chia, muốn tìm x ta lấy thương nhân với số chia.

Cách giải :

$$x : 4 = 25$$

$$x = 25 \times 4$$

$$x = 100$$

⇒ **Đáp án cần chọn là D.**

Bài 4:

Phương pháp giải:

- Đặt phép tính theo cột dọc.
- Nhân theo thứ tự từ phải sang trái.

Cách giải :

$$\begin{array}{r} 16 \\ \times 4 \\ \hline 64 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21 \\ \times 3 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 43 \\ \times 3 \\ \hline 129 \end{array}$$

Bài 5:

Phương pháp giải:

Áp dụng các quy tắc:

- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

Cách giải :

$$\text{a) } x - 15 \times 6 = 40$$

$$x - 90 = 40$$

$$x = 40 + 90$$

$$x = 130$$

$$\text{b) } 32 \times 4 - x = 27$$

$$128 - x = 27$$

$$x = 128 - 27$$

$$x = 101$$

Bài 6:

Phương pháp giải:

Tìm số học sinh trong 7 nhóm = số học sinh trong 1 nhóm \times 7.

Cách giải :

7 nhóm như thế có số học sinh là:

$$6 \times 7 = 42 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 42 học sinh.